TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2023
V/v Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích
Ông Nguyễn Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐ-ST ngày 12/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại Nhật Bản).

Anh T ủy quyền cho chị Vũ Thị C, sinh năm 1990; Địa chỉ: khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương giao và nhận các tài liệu đối với Tòa án (Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2022).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại Đài Loan).

Chị H ủy quyền cho chị anh Đặng Thái L, sinh năm 1985; Địa chỉ: khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương giao và nhận các tài liệu đối với Tòa án (Văn bản ủy quyền ngày 12/10/2022).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1957 (vắng mặt)

- Ông Lê Tất M, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị trưng cầu giám định đề ngày 02/11/2022 nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh và chị H được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và đăng ký kết hôn năm 2004 (theo giấy đăng ký kết hôn là 31/03/2004) tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ngay và chung sống hòa thuận. Năm 2014 để phát triển kinh tế gia đình, anh và chị H cùng đi lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận. Năm 2016 anh về nước sinh sống để chăm sóc con nhưng do công việc tại địa phương lương thấp nên năm 2018 anh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Sang Nhật Bản lao động một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do xa cách địa lý, đã sống xa nhau một thời gian dài nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, không còn sự đồng cảm, chia sẻ với nhau nữa, không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh và chị Lê Thị H được ly hôn nhau.

Về con chung: Anh, chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 05/7/2005 và cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 24/5/2009. Hiện nay cháu Duy A đang sinh sống cùng ông bà ngoại, cháu M đang sinh sống cùng bà nội. Sau khi ly hôn anh đề nghị: Giao cháu Duy A cho chị Lê Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông M, bà T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước sinh sống. Giao cháu M cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà V chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T trình bầy hiện nay anh và vợ là chị Lê Thị H mâu thuẫn đã trầm trọng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, anh đã có đơn ly hôn và trình bầy quan điểm giải quyết ly hôn với chị H. các vản bản anh gửi về đều ký tên và điểm chỉ ngón trỏ trái và ngón trỏ phải, anh cam đoan chữ ký và điểm chỉ là của anh. Do anh ở Nhật Bản công việc rất bận nên không thể đến cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại Nhật Bản để chứng thực trong văn bản anh gửi về nước được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiến hành trưng cầu giám định đối với dấu vân tay của anh trong các văn bản anh gửi về nước vì việc giám định dấu vân tay sẽ đảm bảo tính khách quan, chính xác dễ dàng hơn so với việc giám định chữ ký, anh xin chịu toàn bộ chi phí giám định theo pháp luật.

Anh ủy quyền ủy quyền cho chị Vũ Thị C, sinh năm 1990; Địa chỉ: khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương giao và nhận các tài liệu đối với Tòa án (Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2022), anh có đơn đề nghị mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh là chị Vũ Thị C.

Anh đề nghị không tiến hành hòa giải vì vợ chồng không có khả năng đoàn tụ chung sống với nhau được nữa, hòa giải không có ý nghĩa gì. Đối với phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh đề nghị vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ, Tòa án thông báo lại kết quả phiên họp cho chị Vũ Thị C là người được anh ủy quyền. Đối với trường hợp Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa anh và chị H thì anh đề nghị xét xử vắng mặt anh.

Tại bản tự khai, giấy ủy quyền và đơn đề nghị đề ngày 12/10/2022 bị đơn chị Lê Thị H trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng giống như anh T trình bày. Nay chị và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy, chị cũng đồng ý yêu cầu xin ly hôn của anh T và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn nhau.

Về con chung: Chị, anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 05/7/2005 và cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 24/5/2009. Hiện nay cháu Duy A đang sinh sống cùng ông bà ngoại, cháu M đang sinh sống cùng bà nội. Sau khi ly hôn chị đề nghị: Giao cháu Duy A cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông M, bà T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị về nước sinh sống. Giao cháu M cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Vuốt chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tại đơn đề nghị, giấy ủy quyền chị H trình bầy và đề nghị như sau: hiện nay chị và chồng chị là anh Nguyễn Văn T mâu thuẫn đã trầm trọng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, bản thân chị đã có văn bản và trình bầy quan điểm giải quyết ly hôn với anh T. Các văn bản chị gửi về đều ký tên và điểm chỉ ngón trỏ trái và ngón trỏ phải, chị cam đoan chữ ký và điểm chỉ là của chị. Do ở Đài Loan công việc rất bận nên chị không thể đến cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại Đài Loan để chứng thực chữ ký trong văn bản chị gửi về nước được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiến hành trưng cầu giám định đối với dấu vân tay của chị trong các văn bản chị gửi về nước vì việc giám định dấu vân tay sẽ đảm bảo tính khách quan, chính xác dễ dàng hơn so với việc giám định chữ ký, chị xin chịu toàn bộ chi phí giám định theo pháp luật.

Chị ủy quyền cho anh Đặng Thái L, sinh năm 1985; Địa chỉ: khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương giao và nhận các tài liệu đối với Tòa án (Văn bản ủy quyền ngày 12/10/2022).

Chị đề nghị không tiến hành hòa giải vì vợ chồng không có khả năng đoàn tụ chung sống với nhau được nữa, hòa giải không có ý nghĩa gì, Đối với phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị đề nghị vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ, Tòa án thông báo lại kết quả phiên họp cho anh Đặng Thái L là người được chị ủy quyền. Đối với trường hợp Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh T thì chị đề nghị xét xử vắng mặt chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày: Anh T, chị H được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân và được hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà bà làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh, chị cùng đi lao động tại Nhật Bản và Đài Loan. Sau khi đi lao động một thời gian thì thấy anh T, chị H nói có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bà không nắm được. Bà đã khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn để về chung sống và cùng chăm sóc con nhưng không được. Anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 05/7/2005 và cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 24/5/2009, hiện nay cháu Nguyễn Duy A đang ở cùng ông bà ngoại, cháu Nguyễn Khánh đang sống cùng bà. Bà đồng ý với yêu cầu của anh T là đề nghị Tòa án giao cháu M cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước sinh sống. Bà xác định việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M là nghĩa vụ của mình đối với cháu nên không yêu cầu chị H, anh T phải cấp dưỡng hay trích trả tiền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M. Tài sản chung, công nợ của anh, chị bà không rõ. Bà xin vắng mặt tại các buổi làm việc với Tòa án, xin vắng mặt tại các phiên xét xử và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Lê Tất M, bà Đỗ Thị T trình bày: Anh T, chị H được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân và được hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh T làm dâu và chung sống hòa thuận bên gia đình nhà chồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh, chị cùng đi lao động tại Nhật Bản và Đài Loan. Sau khi đi lao động một thời gian thì thấy anh, chị nói có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì ông bà không nắm được. Ông bà đã khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn để về chung sống và cùng chăm sóc con nhưng không được. Anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 05/7/2005 và cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 24/5/2009, hiện nay cháu Nguyễn Duy A đang ở cùng ông bà, cháu Nguyễn Khánh M đang ở cùng bà nội. Ông, bà đồng ý nuôi cháu D thay chị H trong thời gian chị H đi lao động tại Đài Loan. Ông, bà nhận thấy đây là nghĩa vụ của mình đối với cháu nên không yêu cầu chị H, anh T phải cấp dưỡng hay trích trả tiền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Duy A. Tài sản chung, công nợ của anh, chị ông, bà không rõ. Ông, bà xin vắng mặt tại các buổi làm việc với Tòa án, xin vắng mặt tại các phiên xét xử và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải.

Cháu Nguyễn Duy A trình bày: Cháu hiện nay đang sinh sống cùng mẹ, ông bà ngoại. Cháu được mẹ, ông bà ngoại chăm sóc tốt nên nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở cùng mẹ và ông bà ngoại.

Cháu Nguyễn Khánh M trình bày: Cháu hiện nay đang sinh sống cùng bố, bà nội, được bố, bà nội chăm sóc tốt nên nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở cùng bố và bà nội.

Chị Vũ Thị Chang có văn bản trình bầy: Chị từ chối là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Văn T, chị đồng ý nhận ủy quyền của anh T trong vụ án này.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T, chị Lê Thị H, bà Nguyễn Thị V, ông Lê Tất M, bà Đỗ Thị T đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Văn T; chị Lê Thị H, biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Vuốt, ông Lê Tất M, bà Đỗ Thị T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 104, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Lê Thị H.

Về con chung: Do anh T, chị H hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Duy A cho chị Lê Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông M, bà T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước sinh sống.

Giao cháu Nguyễn Khánh M cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước sinh sống.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu do anh T, chị H gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang:

Anh Nguyễn Văn T ủy quyền cho chị Vũ Thị C giao, nhận các giấy tờ đối với Tòa án. Chị C nộp đến Tòa án đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo nhưng trong các tài liệu chỉ thể hiện chữ ký, chữ viết và điểm chỉ vân tay của anh Nguyễn Văn T. Không có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản.

Chị Lê Thị H ủy quyền cho anh Đặng Thái L giao, nhận các giấy tờ đối với Tòa án. Anh L nộp đến Tòa án bản tự khai và các tài liệu kèm theo nhưng trong các tài liệu chỉ thể hiện chữ ký, chữ viết và điểm chỉ vân tay của chị Lê Thị H. Không có xác nhận của Văn phòng Kinh tế - văn hóa Việt Nam tại Đài Loan.

Các tài liệu của anh T, chị H do người được ủy quyền nộp đến Tòa án đều không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại nước ngoài, nên theo đề nghị trưng cầu giám định anh T, chị H. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiến hành thu thập mẫu vân tay của anh T, chị H khi làm Chứng minh nhân dân (chỉ bản) tại Công an tỉnh Bắc Giang, để giám định dấu vân tay đối chiếu với tài liệu do anh T, chị H gửi về xem có đúng là do cùng một người viết, ký và lăn tay hay không.

Sau khi thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã có quyết định trưng cầu giám định số: 417/2022/QĐ-TCGĐ ngày 30/11/2022 gửi phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang. Tại kết luận giám định số 66/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang ngày 11/01/2023 đã kết luận:

1. Dấu vân tay màu đỏ in tại mục "Ngón trỏ phải" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A10) so với dấu vân tại ô "Trỏ phải" trên bản sao Chỉ bản số 121565474, mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (ký hiệu M1) do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH-Công an tỉnh Bắc Giang cung cấp là của cùng một người.

2. Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết có nội dung "Thiết-Nguyễn Văn T" tại các mục "Người khởi kiện, bên ủy quyền, người khai, người làm đơn, người viết đơn" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5, A10) là do cùng một người ký, viết ra.

3. Dấu vân tay màu đỏ in tại các mục "Ngón trỏ phải", "Ngón trỏ trái" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A6 đến A9) so với dấu vân tại các ô tương ứng trên bản sao Chỉ bản số 121590091, mang tên Lê Thị H, sinh năm 1985 (ký hiệu M2) do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH-Công an tỉnh Bắc Giang cung cấp là của cùng một người.

Như vậy, đối với đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đơn đề nghị trưng cầu giám định, đơn đề nghị mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp do chị Vũ Thị C nộp cho Tòa án, xác định là anh Nguyễn Văn T là người viết và ký, điểm chỉ đủ căn cứ để Tòa án tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn T. Đối với bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đơn đề nghị trưng cầu giám định do anh Đặng Thái L nộp cho Tòa án, xác định chị Lê Thị H là người viết và ký, điểm chỉ đủ căn cứ để Tòa án tỉnh Bắc Giang xem xét giải quyết theo yêu cầu của anh

Nguyễn Văn T, chị Lê Thị H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận tính hợp pháp của các tài liệu này để giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T khởi kiện xin ly hôn chị H và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo Công văn trả lời số 1508/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 19/01/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp: anh Nguyễn Văn T xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần đây nhất là ngày 24/6/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước; chị Lê Thị H xuất nhập cảnh 09 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 03/11/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh T, chị H được xác định là đang ở nước ngoài. Chị H là bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, bị đơn chị Lê Thị H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V, ông Lê Tất M, bà Đỗ Thị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị H, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 31/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T với chị H. Hội đồng xét xử thấy: Anh T, chị H đều xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2014 anh, chị cùng đi Đài Loan lao động. Năm 2016 anh T về nước chăm sóc con cái những sau đó năm 2018 tiếp tục đi lao động tại Nhật Bản. Sau khi sang Nhật Bản lao động một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Kể từ năm 2018 đến nay do vợ chồng sống xa nhau lâu ngày nên không còn tình cảm với nhau. Đến nay anh T, chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cùng thống nhất ly hôn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh T, chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị H, xử cho anh T được ly hôn chị H là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[6]. Về nuôi con chung: Anh T, chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 05/7/2005 và cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 24/5/2009. Hiện nay cháu Duy A đang sinh sống cùng ông bà ngoại (ông M, bà T), cháu M đang sinh sống cùng bà nội (bà V). Sau khi ly hôn anh T, chị H cùng đề nghị: Giao cháu Duy A cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông M, bà T chăm sóc,

nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước sinh sống. Giao cháu M cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Vuốt chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước sinh sống.

Xét yêu cầu giao chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh T, chị H: Hội đồng xét xử thấy anh T, chị H có cùng quan điểm về việc giao nuôi con chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên, anh T, chị H hiện đang lao động tại nước ngoài nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trên thực tế bà Vuốt hiện nay đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, ông M, bà T đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Duy A, các cháu đều phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Cháu Duy A trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ và ông bà ngoại, cháu M trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với bố và bà nội. Ngoài ra, bà V, ông M, bà T cũng đồng ý với yêu cầu giao con chung của anh T, chị H. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung của anh T, chị H sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của con chung là phù hợp Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T, chị H, bà Vuốt, ông Minh, bà Thủy không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về tài sản, công nợ: Anh T, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[10]. Về chi phí giám định: Anh T, chị H tự chịu chị phí giám định đối với tài liệu gửi đến Tòa án và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11]. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T, chị Lê Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Vuốt, ông Lê Tất Minh, bà Đỗ Thị Thủy vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia

đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Lê Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 05/7/2005 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật nhưng tạm giao cho ông Lê Tất M, bà Đỗ Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước sinh sống.

Giao cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 24/5/2009 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, anh T, chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh T, chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000741 ngày 29/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn T, chị Lê Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị V, ông Lê Tất M, bà Đỗ Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền